TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 422/2018/DS-ST
Ngày: 06/9/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Đặng Thị Tuyết Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu hằng

2. Huỳnh Thị Lệ Quyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trà Thị Thúy Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:
Ông Nguyễn Đăng V – Sinh năm: 1944 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Tp.Hồ Chí Minh.
Bà Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1970 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Tp.Hồ Chí Minh.
- Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1976 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Đường D, Phường E, Quận G, Tp.Hồ Chí Minh.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Liễu C, sinh năm 1969 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Đường H, Phường I, Quận K, Tp.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2017, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V và bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 28/9/2010 bà Phạm Thị Liễu C có cho bà Phạm Thị H vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 1,2%/tháng, thời gian vay 01 tháng. Theo Hợp đồng vay ngày 28/9/2010, số 011937, quyển số 9/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Sài Gòn chứng thực. Để đảm bảo số tiền vay bà H giao bà C sử dụng căn

nhà số tại Đường A, Phường B, Quận C, Tp.Hồ Chí Minh, kèm theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số CH02069 ngày 25/01/2011 do ủy ban nhân dân Quận 12 cấp cho bà Phạm Thị H (Không làm giấy giao). Đến hạn bà H không trả tiền nợ cho bà C, ngày 20/7/2011 bà C khởi kiện bà H ra Tòa án nhưng vụ án bị Đình chỉ do "Không tìm thấy địa chỉ của bà H nên không đủ điều kiện khởi kiện".

Sau đó ngày 29/9/2015 bà C vay của vợ chồng ông V số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 1,2%/tháng, hai bên lập văn bản thỏa thuận ngày 29/9/2015 với nội dung: "Bà C có cho bà Phạm Thị H sinh năm 1976, số chứng minh nhân dân 285245002, hộ khẩu thường trú: Đường D, Phường E, Quận G, Tp.Hồ Chí Minh vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 1.2%/tháng, kể từ ngày 28/9/2010, nhưng đến nay vẫn chưa trả.…đồng ý chuyển nhượng khoản nợ và lãi của bà H đang nợ đối với bà Liễu C cho bên ông Vt và bà L quản lý, thu hồi nợ, giải quyết tranh chấp (nếu có), được toàn quyền định đoạt đối với khoản nợ và lãi nêu trên". Bà C giao cho ông V và bà L sử dụng căn nhà của bà H.

Ông Vt và bà L đã có yêu cầu Tòa ra Quyết định số 23/2017/QĐ-DS-ST ngày 20/02/2017 Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Phạm Thị H. Nhưng không biết được tin tức của bà H.

Ông V và bà L buộc bà H thanh toán cho ông V và bà L số tiền vốn 600.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà C. Vì bà H chậm thanh toán tiền lãi kể từ ngày 28/9/2010 đến 28/10/2010 mức lãi suất quá hạn là 1.125%/tháng, cụ thể:

600.000.000 đồng x 1.125%/tháng x 01 tháng = 6.750.000 đồng.

Và số tiền lãi từ ngày 29/10/2010 đến ngày 29/8/2018, thời gian là 96 tháng, do bà C và bà H, ông V, bà L không thỏa thuận về thời gian trả nợ nên lãi suất được tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định là 0,75%/tháng, cụ thể:

600.000.000 đồng x 96 tháng x 0,75%/tháng = 432.000.000 đồng.

Thực hiện thanh toán vốn và lãi một lần kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị H trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nên không có lời khai và cũng không tiến hành hoà giải được. Theo kết quả xác minh của công an Phường E, Quận H cho biết: bà H sinh năm 1976, có hộ khẩu thường trú tại số Đường D, Phường E, Quận G, Tp.Hồ Chí Minh, nhưng thực tế không cư ngụ tại địa chỉ trên. Theo Quyết định số 23/2017/QĐ-DS-ST ngày 20/02/2017 Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Phạm Thị H tòa xác định nơi cư trú cuối cùng cũng là Đường D, Phường E, Quận G, Tp.Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị Liễu C trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nên không có lời khai và cũng không tiến hành hoà giải được. Theo kết quả xác minh của công an Phường I, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh cho biết: bà C có hộ hiện có hộ khẩu thường trú tại số Đường H, Phường I, Quận K, Tp.Hồ Chí Minh, nhưng thực tế không cư ngụ tại địa chỉ trên.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt đối với bị đơn đúng quy định.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Toà án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V và bà Nguyên Thị L yêu cầu bị đơn Phạm Thị H trả số tiền nợ đã vay của bà C ngày 28/9/2010 nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản". Bị đơn cư trú tại Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng vay ngày 28/9/2010, số 011937, quyển số 9/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Sài Gòn công chứng chứng thực, có cơ sở xác nhận bà Phạm Thị Liễu C có cho bà Phạm Thị H vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 1,2%/tháng, thời gian vay 01 tháng. Bà H giao nhà và Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số CH02069 ngày 25/01/2011 do ủy ban nhân dân Quận 12 cấp cho bà Phạm Thị H cho bà C giữ (Bản chính) và sử dụng căn nhà.

Căn cứ văn bản thỏa thuận ngày 29/9/2015 có cơ sở xác nhận bà C đồng ý chuyển nhượng cho vợ chồng ông V bà L khoản nợ và lãi của bà H đang nợ đối với bà Liễu C, để cho bên ông V và bà L quản lý, thu hồi nợ, giải quyết tranh chấp (nếu có), được toàn quyền định đoạt đối với khoản nợ và lãi nêu trên".

Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án bà H và bà C không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy ông V bà L yêu cầu bà H thanh toán toàn bộ số tiền nợ vốn và lãi theo Hợp đồng vay tài sản ngày 28/10/2010, số 011937, quyển số 9/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Sài gòn chứng thực là có cơ sở chấp nhận giải quyết.

- Đối với yêu cầu về tiền lãi:

Theo Hợp đồng vay ngày 28/9/2010, số 011937, quyển số 9/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Sài gòn chứng thực, bà Phạm Thị H thỏa thuận lãi suất 1,2%/tháng, thời gian vay 01 tháng. Đến nay bà H chưa thanh toán tiền lãi cho bà C. Ông V, bà L yêu cầu thanh toán tiền lãi 01 tháng (Từ ngày 28/9/2010 đến 28/10/2010) là:

600.000.000 đồng x 1.125%/tháng x 01 tháng = 6.750.000 đồng.

Và số tiền lãi từ ngày 29/10/2010 đến ngày 29/8/2018, thời gian là 96 tháng, do giấy thỏa thuận vay không kỳ hạn nên ông V và bà L yêu cầu tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định là 0,75%/tháng, cụ thể:

600.000.000 đồng x 96 tháng x 0,75%/tháng = 432.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về tiền lãi của ông Việt và bà Lành có cơ sở chấp nhận.

- Về thời hạn thanh toán nợ: Ông V và bà L yêu cầu thanh toán tiền vốn và lãi là 1.038.750.000 đồng (600.000.000 + 6.750.000 đồng + 432.000.000 đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đã lâu, để đảm bảo quyền lợi cho ông V bà L nên buộc bà hằng có trách nhiệm thanh toán cho ông V và bà H số tiền nợ vốn và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu xin được tiếp tục quản lý căn nhà số Đường A, Phường B, Quận C, Tp.Hồ Chí Minh, lý do bà C đã giao căn nhà này cho ông V và bà L quản lý sử dụng từ ngày 29/9/2015. Hiện nay ông V và bà L đang quản lý sử dụng, ông V và bà L xin rút yêu cầu trước khi ra quyết định xét xử nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] ***Về án phí:*** Bị đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nguyên đơn ông V và và L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTCQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V và bà Nguyễn Thị L.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V và bà Nguyễn Thị L số tiền 1.038.750.000 đồng.

Thi hành việc trả nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu của bên được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành số tiền phải thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 43.162.500 đồng bà H phải chịu. Ông V và bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông V và bà L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 20.467.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2014/0001541 ngày 05/7/2018của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Tuyết Hải